

## Thị trường điều chỉnh nhẹ với diễn biến vẫn tích cực

Áp lực điều chỉnh xuất hiện đến ngay từ đầu phiên giao dịch một phần đến từ tín hiệu chùng xuống từ cuối phiên giao cuối tuần và áp lực tâm lý từ việc giảm điểm trở lại của các thị trường chứng khoán chủ chốt. Các chỉ số duy trì trong sắc đỏ trong phần lớn thời gian giao dịch và lực cầu mua vào xuất hiện trở lại vào đầu phiên giao dịch chiều tạo ra nhiều sự hưng phấn. Tuy nhiên, áp lực bán đã tăng mạnh lên ở cuối phiên đặc biệt là với nhóm cổ phiếu ngân hàng khiến các chỉ số quay đầu giảm nhẹ trở lại. VNIndex đóng cửa ở 987 điểm giảm nhẹ 0.31 điểm và VN30 giảm nhẹ 0.52 điểm với ba phiên đi ngang dao động trong biên độ 956-963. Thanh khoản toàn thị trường cải thiện nhẹ và vẫn tích cực khi đạt mức 5.600 tỷ đồng

Nhóm cổ phiếu ngân hàng vẫn biến động trái chiều trong phiên cuối tuần với ACB tăng tốt sau thông tin chia cổ tức 15% bằng cổ phiếu, BID, MBB, HDB, TPB tăng nhẹ trong khi VCB, VPB, TCB, STB, SHB, EIB vẫn giảm nhẹ. Nhóm cổ phiếu ngành chứng khoán cũng biến động ngược chiều nhau với VCI, HCM vẫn tăng và SSI, VND điều chỉnh giảm, SHS, MBS tham chiếu. Nhóm cổ phiếu ngành dầu khí và bất động sản vốn hóa tầm trung tăng nổi bật trong phiên giao dịch cuối tuần với nhiều cổ phiếu tăng giá tốt như PLX, GAS, PVD, PVS, CEO, DIG, NLG, KDH, LDG, SCR, QCG, VPI... Các cổ phiếu nhóm ngành sản xuất tăng giá với HPG, HSG, NKG, SBT, ... tăng giá nhẹ trong khi đó các cổ phiếu nhóm ngành hàng tiêu dùng và bán lẻ như VNM, MSN, MWG điều chỉnh giảm nhẹ

Khối nhà đầu tư ngoại giao dịch tích cực trong phiên cuối tuần và khối này vẫn bán ròng nhẹ hơn 30 tỷ trên sàn HOSE. Áp lực bán ròng tập trung vào các cổ phiếu VIC, VHM, VCB, VRE, PLX, SSI, PVD... Ở chiều mua ròng khối này tích cực mua vào HPG, CTD, SBT, HDB, DXG, ....

Chúng tôi tiếp tục duy trì đánh giá tích cực với thị trường mặc dù các áp lực điều chỉnh vẫn có thể còn tiếp diễn ở thời điểm hiện tại và trong phiên giao dịch đầu tuần tới nhưng dòng tiền vẫn được duy trì và sự phân hóa tạo ra nhiều cơ hội ở nhiều nhóm ngành. Áp lực điều chỉnh phần nhiều đến từ nhóm cổ phiếu ngân hàng sau quá trình tăng tốt trước đó và điều này cũng khiến cho các chỉ số cũng như tâm lý thị trường chưa đạt tới mức độ hưng phấn. Chúng tôi cho rằng một nhịp điều chỉnh tích lũy là cần thiết để các chỉ số có thể tiến xa hơn với mục tiêu gần nhất là mốc tâm lý 1000 điểm.

Thống kê	HOSE	HNX
Đóng cửa	987.1	111.6
% Thay đổi	-0.03	1.00
Khối lượng	180.1	45.3
Giá trị (tỷ đồng)	4,504.8	771.1
Số mã tăng	158	86
Số mã giảm	128	79
Không thay đổi	78	211

Hàng hóa & Tiền tệ	Giá đóng cửa	%chg
Gold(USD/Oz)	1,186	-0.10
WTI Oil (\$/B) 1Mth	68	0.90
Brent Oil (\$/B) 1Mth	75	0.79
USDVND	23,305	-0.13
EURVND	26,914	-0.09



Nhóm ngành (VNIndex)	Tỷ trọng Index (%)	Thay đổi giá (%)	P/E x	P/B x
Tiêu dùng thiết yếu	2.98	-0.06%	19.70	4.48
Thực phẩm và đồ uống	18.14	-0.34%	24.87	7.20
Năng lượng	3.20	3.03%	19.94	3.76
Tài chính	26.56	-0.53%	17.01	2.58
Y tế	0.98	0.12%	19.32	3.18
Công nghiệp	8.12	0.36%	16.96	4.18
Công nghệ thông tin	0.98	0.10%	8.96	2.20
Vật liệu và hóa chất	4.53	0.48%	10.17	1.80
Bất động sản	26.90	-0.15%	56.71	4.73
Dịch vụ tiện ích	7.48	1.02%	16.26	4.01

Thị trường Khu vực	Giá đóng cửa	Thay đổi giá (%)	P/E x	P/B x	Vốn hóa Tỷ US\$
China	3,325.3	0.16%	12.46	1.63	3,795.0
India	11,558.9	-0.21%	24.11	3.16	1,201.6
Indonesia	5,968.8	-0.24%	20.02	2.28	462.1
Laos	877.9	0.78%	6.70	0.36	1.1
Malaysia	1,808.6	-0.13%	18.66	1.90	274.3
Philippines	7,766.5	-0.48%	19.95	2.14	182.4
Taiwan	10,809.4	-0.50%	14.04	1.68	1,052.3
Thailand	1,700.1	-0.27%	16.84	2.02	524.6
<b>Vietnam</b>	<b>987.1</b>	<b>-0.03%</b>	<b>17.81</b>	<b>2.76</b>	<b>135.3</b>

Nguồn: Bloomberg

HOSE						
Top ảnh hưởng nhất tới INDEX - chiều tăng VND						
CP	Giá đóng cửa	+/- (VND)	% thay đổi giá	Khối lượng	Đóng góp vào Index	
PLX	68,000	2,100	3.2	2.12MLN	0.847	
GAS	101,500	1,100	1.1	515,530	0.656	
BID	33,400	350	1.1	2.78MLN	0.373	
NVL	65,000	1,000	1.6	296,650	0.283	
HPG	38,350	250	0.7	5.68MLN	0.165	

HNX						
Top ảnh hưởng nhất tới INDEX - chiều tăng VND						
CP	Giá đóng cửa	+/- (VND)	% thay đổi giá	Khối lượng	Đóng góp vào Index	
ACB	38,800	600	1.6	7.61MLN	0.656	
PVS	20,700	600	3.0	7.90MLN	0.137	
CEO	15,300	1,200	8.5	3.92MLN	0.114	
VCG	18,500	900	5.1	2.31MLN	0.061	
VCS	90,000	1,400	1.6	177,534	0.046	

Top ảnh hưởng nhất tới INDEX - chiều giảm VND						
CP	Giá đóng cửa	+/- (VND)	% thay đổi giá	Khối lượng	Đóng góp vào Index	
VCB	62,000	-600	-1.0	1.78MLN	-0.673	
BVH	88,100	-2,900	-3.2	163,000	-0.633	
VIC	104,000	-600	-0.6	1.26MLN	-0.597	
VNM	162,200	-1,100	-0.7	453,010	-0.498	
VHM	111,500	-400	-0.4	1.34MLN	-0.334	

Top ảnh hưởng nhất tới INDEX - chiều giảm VND						
CP	Giá đóng cửa	+/- (VND)	% thay đổi giá	Khối lượng	Đóng góp vào Index	
SHB	8,400	-100	-1.2	5.39MLN	-0.105	
DBC	25,700	-700	-2.7	64,800	-0.039	
PVX	1,200	-100	-7.7	524,660	-0.020	
SDG	29,700	-3,300	-10.0	100	-0.014	
SGH	51,000	-5,600	-9.9	300	-0.011	

Thanh khoản cao nhất						
CP	Giá đóng cửa	+/- (VND)	% thay đổi giá	GTGD (tỷ đồng)	Đóng góp vào Index	
FLC	6,560	40	0.6	11.13MLN	0.009	
CTG	26,100	0	0.0	8.36MLN	0.000	
MBB	23,500	50	0.2	6.57MLN	0.034	
SBT	19,750	550	2.9	5.91MLN	0.095	
HPG	38,350	250	0.7	5.68MLN	0.165	

Thanh khoản cao nhất						
CP	Giá đóng cửa	+/- (VND)	% thay đổi giá	GTGD (tỷ đồng)	Đóng góp vào Index	
PVS	20,700	600	3.0	7.90MLN	0.000	
ACB	38,800	600	1.6	7.61MLN	0.000	
SHB	8,400	-100	-1.2	5.39MLN	0.000	
CEO	15,300	1,200	8.5	3.92MLN	0.000	
VCG	18,500	900	5.1	2.31MLN	0.000	

Nguồn: Bloomberg 24/08/18

**TIN VĨ MÔ**

**Tỷ giá ngân hàng bất tăng mạnh** - Tỷ giá trung tâm ngày 24/8 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 22.688 đồng, tăng 10 đồng so với mức công bố sáng hôm qua. Với biên độ +/-3% đang được áp dụng, tỷ giá trần mà các ngân hàng áp dụng hôm nay là 23.368 VND/ USD và tỷ giá sàn là 22.008 VND/USD. Trên thị trường thế giới, đồng USD hôm qua tăng giá trở lại sau 6 phiên giảm liên tiếp khi Cục dự trữ liên bang Mỹ tái khẳng định ý định nâng lãi suất và thuế quan thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc bắt đầu.

**TIN NGÀNH**

**Giá lao dốc, xuất khẩu tôm đang chững lại** - Tốc độ tăng trưởng xuất khẩu tôm tính đến tháng 7/2018 có xu hướng chững lại do xuất hiện một số yếu tố không thuận lợi, từ giá tôm nguyên liệu tới nhu cầu nhập khẩu. Sau khi giảm 5% trong quý II/2018, xuất khẩu tôm của Việt Nam giảm 20,3% xuống 294,5 triệu USD trong tháng 7, theo số liệu của Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Việt Nam (VASEP). Nguyên nhân là xuất khẩu sang các nước tiêu thụ chính đồng loạt giảm, trong đó thị trường Trung Quốc giảm mạnh nhất với 47%. Ngoài ra, xuất khẩu tôm sang thị trường Liên minh châu Âu và Hàn Quốc, hai thị trường có nhu cầu tiêu thụ ổn định và chưa từng ghi nhận tăng trưởng âm từ đầu năm tới nay, cũng lần lượt giảm 15% và 10%. Theo VASEP, xuất khẩu tôm bắt đầu giảm từ tháng 5 do giá tôm nguyên liệu giảm kéo theo giá xuất khẩu, và tồn kho cao khiến nhu cầu nhập từ các thị trường chính suy yếu.

**TIN DOANH NGHIỆP**

**PVS - Sau soát xét, lợi nhuận công ty mẹ PVS tăng gần 12 tỷ đồng** - Theo PVS, biến động này chủ yếu do tại thời điểm lập báo cáo quý II, khoản doanh thu và chi phí của một số hợp đồng, dự án đã thực hiện nhưng chưa thu thập được đầy đủ hồ sơ nên việc ghi nhận được thực hiện trên cơ sở ước tính. Đến thời điểm thực hiện soát xét thì các khoản doanh thu và chi phí trên đã được thu thập đầy đủ hồ sơ để xác định giá trị nên PVS thực hiện điều chỉnh phần chênh lệch vào kết quả kinh doanh trên báo cáo soát xét bán niên. ACB đã thông báo về việc triển khai trả cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 15% vào cuối tháng 7/2018, thực hiện trong quý III/2018 để tăng vốn thêm 1.627 tỷ đồng.

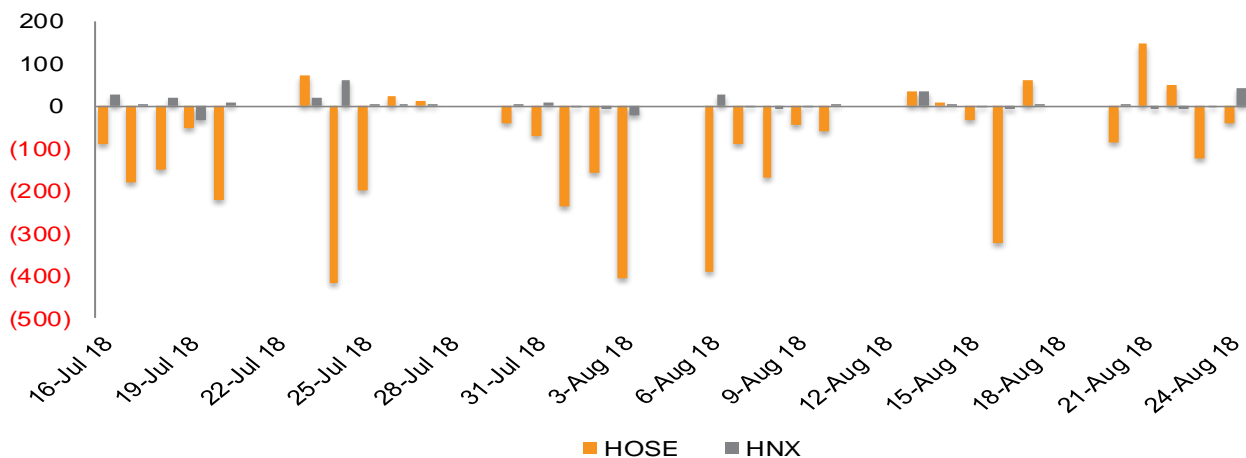
**EIB - Standard & Poor's nâng triển vọng tín nhiệm** - Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (Eximbank) đã được Standard & Poor's Global Ratings - Tổ chức tín nhiệm hàng đầu thế giới, nâng triển vọng tín nhiệm lên "ổn định". Triển vọng ổn định phản ánh kỳ vọng của S&P rằng Eximbank sẽ tiếp tục các nỗ lực tái cấu trúc thể hiện qua tốc độ tăng trưởng tín dụng có chọn lọc và các chuẩn mực bảo lãnh nghiêm ngặt trong 12-18 tháng tới.

**GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI**

KLGD (triệu CP)	so với phiên giao dịch trước		so với phiên giao dịch trước		GTGD (Tỷ đồng)	so với phiên giao dịch trước		so với phiên giao dịch trước	
	HOSE		HNX			HOSE		HNX	
<b>MUA</b>	13.3	53.2%	3.1	206.2%	<b>MUA</b>	730.9	54.9%	49.6	214.5%
% of market	7.4%	0-Jan	6.8%	0-Jan	% of market	16.4%	0-Jan	6.4%	0-Jan
<b>BÁN</b>	13.4	-3.8%	0.5	-56.4%	<b>BÁN</b>	770.8	29.6%	6.5	-67.7%
% of market	7.5%	0-Jan	1.2%	0-Jan	% of market	17.3%	0-Jan	0.8%	0-Jan
<b>MUA (BÁN) RÒNG</b>	<b>(0.19)</b>		<b>2.5</b>		<b>MUA (BÁN) RÒNG</b>	<b>(39.9)</b>		<b>43.1</b>	

Nguồn: HSX, HNX

**Diễn biến giao dịch ròng khối ngoại (Tỷ đồng)**



**LŨY KẾ 2018**

KLGD (triệu CP)	HOSE		HNX		GTGD (Tỷ đồng)	HOSE		HNX	
		% of 2017		% of 2017			% of 2017		% of 2017
<b>MUA</b>	3,238.1	91.3%	332.2	82.9%	<b>MUA</b>	188,459.6	111.5%	6,183.7	74.2%
% of market	9.8%	0-Jan	3.7%	0-Jan	% of market	19.7%	0-Jan	3.7%	0-Jan
<b>BÁN</b>	3,003.1	92.2%	354.3	87.0%	<b>BÁN</b>	158,856.4	109.9%	6,898.4	80.1%
% of market	9.1%	0-Jan	3.9%	0-Jan	% of market	16.6%	0-Jan	4.1%	0-Jan
<b>MUA (BÁN) RÒNG</b>	<b>235.1</b>		<b>(22.0)</b>		<b>MUA (BÁN) RÒNG</b>	<b>29,603</b>		<b>(714.7)</b>	

Nguồn: HSX, HNX

**GIAO DỊCH KHỎI NGOÀI**

HOSE					
Nước ngoài mua nhiều nhất (giá trị)					Tỷ đồng
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị mua	Đóng góp Index
VHM	20,100	-400	1.82	171.3	1.670
HDB	15,300	100	0.28	72.1	0.031
HPG	88,600	250	0.26	70.2	0.165
VIC	17,200	-600	0.97	62.4	0.995
MSN	11,600	-600	-0.66	39.0	-0.217

HNX					
Nước ngoài mua nhiều nhất (giá trị)					Tỷ đồng
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị mua	Đóng góp Index
PVS	20,100	600	1.52	24.8	0.000
CEO	15,300	1,200	8.51	16.9	0.000
VCS	88,600	1,400	1.84	4.0	0.000
VGC	17,200	100	1.78	1.7	0.000
TNG	11,600	-100	-0.85	0.5	0.000

Nước ngoài bán nhiều nhất (giá trị)						Tỷ đồng
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị bán	Đóng góp Index	
VHM	11,600	-400	1.82	199.8	1.670	
VIC	17,200	-600	0.97	125.0	0.995	
HDB	14,800	100	0.28	54.8	0.031	
VRE	15,300	650	1.63	49.7	0.385	
VCB	24,000	-600	1.13	39.6	0.785	

Nước ngoài bán nhiều nhất (giá trị)						Tỷ đồng
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị bán	Đóng góp Index	
TNG	11,600	-100	-0.85	1.4	0.000	
VGC	17,200	100	1.78	1.4	0.000	
SHS	14,800	100	0.68	0.8	0.000	
CEO	15,300	1,200	8.51	0.7	0.000	
CSC	24,000	1,000	4.35	0.5	0.000	

Top mua ròng						Tỷ đồng
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị mua ròng	Đóng góp Index	
HPG	20,100	250	0.26	34.9	0.165	
CTD	15,300	5,000	3.23	32.1	0.122	
SBT	88,600	550	0.00	24.9	0.095	
HDB	900	100	0.28	17.3	0.031	
SAB	17,200	500	0.24	9.8	0.100	

Top mua ròng						Tỷ đồng
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị mua ròng	Đóng góp Index	
PVS	20,100	600	1.52	24.4	0.000	
CEO	15,300	1,200	8.51	16.1	0.000	
VCS	88,600	1,400	1.84	4.0	0.000	
PIV	900	-100	-10.00	0.4	0.000	
VGC	17,200	100	1.78	0.3	0.000	

Top bán ròng						VND'bn
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị bán ròng	Đóng góp Index	
VIC	11,600	-600	0.97	-62.7	0.995	
VHM	14,800	-400	1.82	-28.5	1.670	
VCB	24,000	-600	1.13	-23.5	0.785	
VRE	22,000	650	1.63	-14.8	0.385	
PLX	8,000	2,100	3.19	-7.0	0.847	

Top bán ròng						VND'bn
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị bán ròng	Đóng góp Index	
TNG	11,600	-100	-0.85	-0.90	0.000	
SHS	14,800	100	0.68	-0.64	0.000	
CSC	24,000	1,000	4.35	-0.50	0.000	
VNR	22,000	300	1.38	-0.24	0.000	
VTC	8,000	-100	-1.23	-0.18	0.000	

24/08/2018

Nguồn Bloomberg, HOSE, HNX

TOP 60 Cổ phiếu vốn hóa lớn nhất trên HOSE

CP	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá			Vốn hóa Tỷ đồng	SCP triệu CP	Freefloat %	% Room Khối ngoại	KLGDBQ 30 ngày	P/E x	P/B x	ROE %	ROA %
		1 tháng	3 tháng	6 tháng									
1 VIC	104,000	-0.5	20.9	37.4	331,929	3,192	57.6	21.4	1,508,232	82.9	7.4	10.8	1.7
2 VHM	111,500	4.7	-2.6	N/A	298,777	2,680	100.0	33.2	374,684	47.5	3.2	N/A	N/A
3 VNM	162,200	-4.5	-3.5	-19.7	235,385	1,451	46.2	40.9	833,532	26.7	9.0	34.9	28.8
4 VCB	62,000	8.8	16.3	-13.2	223,062	3,598	22.9	9.2	2,162,648	19.7	3.8	20.5	1.2
5 GAS	101,500	19.7	-10.3	-8.6	194,266	1,914	4.2	45.5	536,609	17.5	4.5	27.4	17.7
6 SAB	213,000	1.4	-12.3	-11.3	136,593	641	10.4	39.3	75,788	30.1	8.7	31.2	21.9
7 BID	33,400	34.7	12.6	-10.0	114,185	3,419	4.4	27.5	3,613,905	14.3	2.3	16.8	0.7
8 CTG	26,100	10.8	-4.6	-14.1	97,181	3,723	15.8	0.0	5,871,269	12.5	1.4	12.2	0.7
9 MSN	90,600	12.5	7.2	0.9	95,424	1,053	37.9	20.1	606,400	16.9	5.6	32.2	8.8
10 TCB	26,600	0.8	N/A	N/A	93,009	3,497	81.8	0.0	1,522,965	8.7	2.0	24.3	3.2
11 VJC	151,800	10.3	6.2	-6.6	82,217	542	53.2	5.5	716,009	16.0	7.8	67.1	19.7
12 HPG	38,350	8.3	2.5	-12.8	81,452	2,124	55.8	10.3	5,476,348	9.1	2.2	30.1	17.6
13 PLX	68,000	19.3	7.9	-18.0	78,799	1,159	6.3	9.1	706,204	21.0	4.2	18.3	6.0
14 VRE	40,700	-2.3	-6.7	-21.1	77,374	1,901	100.0	17.4	1,295,860	51.5	3.0	5.7	5.6
15 BVH	88,100	19.1	2.4	3.9	61,748	701	31.2	24.3	138,262	48.5	4.1	8.5	1.3
16 VPB	25,050	-6.5	-2.7	-26.6	60,697	2,423	75.8	0.0	5,070,670	9.4	2.2	26.9	2.5
17 NVL	65,000	14.0	28.5	3.8	58,985	907	31.1	40.4	666,675	25.7	4.2	18.7	4.7
18 MBB	23,500	4.0	-4.4	-15.3	50,771	2,160	61.2	0.0	5,971,533	11.1	1.7	16.3	1.5
19 MVG	121,000	7.7	6.4	1.0	39,067	323	85.7	0.0	594,138	14.3	5.2	43.9	13.7
20 HDB	36,000	5.9	1.4	-19.2	35,316	981	100.0	2.9	1,456,068	18.3	2.5	14.9	1.0
21 FPT	44,450	5.3	-14.1	-15.5	27,272	614	81.7	0.0	1,073,765	8.7	2.3	28.6	11.4
22 ROS	41,900	-5.9	-35.6	-64.7	23,782	568	27.0	46.7	836,469	28.7	4.1	14.7	8.4
23 STB	11,300	-0.9	-6.2	-31.3	20,381	1,804	94.0	13.5	4,807,341	13.7	0.9	6.4	0.4
24 BHN	81,100	-5.6	-25.5	-46.0	18,799	232	0.9	31.4	1,131	29.2	5.0	17.3	6.7
25 TPB	26,550	-0.6	-9.4	N/A	17,678	666	95.3	0.0	218,698	15.5	2.3	15.9	0.8
26 EIB	14,000	0.0	-5.4	-11.4	17,212	1,229	83.8	0.0	189,062	14.0	1.1	8.6	0.9
27 PNJ	103,900	11.6	-12.9	-8.7	16,846	162	64.1	0.0	482,500	20.3	3.4	34.4	20.0
28 SSI	30,200	10.2	-0.8	-14.2	15,095	500	76.7	44.9	3,639,092	11.7	1.7	14.4	6.9
29 HNG	15,900	-3.6	96.3	149.6	14,101	887	44.7	56.2	3,734,525	N/A	1.3	-3.9	-1.3
30 DHG	96,000	-3.0	-5.0	-8.1	12,552	131	31.9	53.7	204,180	23.8	4.3	18.4	14.1
31 CTD	160,000	10.3	23.6	-11.6	12,526	78	87.0	6.4	163,409	7.9	1.6	22.5	11.8
32 GEX	30,500	14.4	6.7	15.8	12,400	407	73.6	37.8	2,773,661	12.1	2.2	22.3	6.9
33 KDH	29,800	-1.0	-11.3	-9.4	11,557	388	76.5	4.6	153,512	19.2	1.8	10.0	6.0
34 REE	36,400	8.5	9.3	-8.5	11,286	310	84.4	0.0	586,449	6.8	1.3	20.9	12.5
35 TCH	28,850	22.8	4.9	26.5	10,192	353	50.0	45.2	1,338,389	26.8	2.3	8.5	7.8
36 SBT	19,750	25.0	20.4	6.2	9,785	495	47.1	92.1	2,793,555	18.8	1.6	11.1	4.2
37 VCI	59,800	10.7	-13.2	-1.5	9,688	162	65.0	7.7	91,186	13.9	3.2	30.5	13.9
38 DXG	27,800	15.4	-6.7	-6.1	9,517	342	70.0	3.3	2,989,356	9.7	2.3	26.2	9.5
39 SCS	169,500	N/A	N/A	N/A	8,473	50	99.1	34.1	N/A	26.0	10.1	40.8	35.2
40 GMD	27,150	10.6	3.6	-25.1	7,827	288	59.6	0.0	573,741	4.4	1.3	30.1	18.3
41 NT2	26,450	0.8	-2.8	-22.0	7,614	288	32.1	27.4	188,178	9.1	2.1	19.5	8.5
42 HCM	58,700	9.7	-9.3	-26.6	7,605	130	66.5	39.3	303,864	9.6	2.6	29.3	16.8
43 PDR	26,400	5.0	-12.0	-13.6	7,033	266	37.8	42.0	992,382	13.4	2.3	19.4	5.4
44 PAN	58,500	7.5	-2.5	-1.2	7,030	120	60.0	59.4	39,099	15.5	2.6	16.0	6.8
45 DPM	17,750	-0.3	1.4	-25.6	6,946	391	40.2	28.8	591,069	12.3	0.9	8.0	5.9
46 VHC	73,500	4.4	43.3	38.7	6,784	92	38.5	60.4	145,856	8.5	2.1	27.2	15.0
47 VPI	42,000	0.6	N/A	N/A	6,720	160	100.0	38.8	191,669	9.8	3.6	38.8	13.1
48 HAG	6,900	-2.5	40.8	8.7	6,399	927	63.8	40.3	12,940,180	N/A	0.5	-4.4	-1.2
49 CII	26,100	-5.1	-11.5	-28.5	6,387	245	88.1	14.0	502,723	N/A	1.3	-0.3	-0.1
50 NLG	30,300	1.0	7.0	9.8	6,360	210	63.3	0.0	383,021	13.3	1.7	13.3	5.5
51 KDC	30,000	-11.2	-11.5	-27.7	6,170	206	41.7	28.7	85,640	N/A	1.0	-1.0	-0.5
52 YEG	194,600	-17.2	N/A	N/A	6,087	31	100.0	0.0	7,947	78.7	15.2	29.0	11.6
53 PVD	15,550	19.6	3.7	-25.1	5,953	383	49.4	29.7	2,894,505	N/A	0.5	-0.1	0.0
54 PPC	18,300	-1.1	-0.3	-9.9	5,867	321	24.7	33.7	195,224	6.0	1.0	17.3	11.5
55 KBC	12,450	3.8	-1.2	-6.0	5,849	470	75.4	31.6	2,027,526	13.3	0.7	5.3	2.9
56 DCM	10,150	-0.5	-6.0	-20.1	5,373	529	24.4	45.0	493,811	12.9	0.8	6.6	3.8
57 LGC	27,000	3.3	27.4	25.3	5,207	193	N/A	4.0	12	31.4	2.0	6.7	1.8
58 PME	68,000	-3.3	-3.5	-6.2	5,101	75	99.0	0.0	13,856	15.7	3.2	19.3	16.0
59 FRT	74,000	0.7	-20.9	N/A	5,032	68	92.4	1.7	12,399	17.9	6.3	42.9	6.8
60 HT1	12,600	7.2	-1.6	-16.0	4,807	382	20.0	43.4	207,502	8.2	0.9	10.9	5.2

Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi. Sales&Trading VNDIRECT không chịu trách nhiệm về độ chính xác hay đầy đủ của những thông tin này.

## KHUYẾN CÁO

Báo cáo này được viết và phát hành bởi bộ phận Sales&Trading – Công ty Cổ Phần Chứng Khoán VNDIRECT. Báo cáo này không trực tiếp hoặc ngụ ý dùng để phân phối, phát hành hay sử dụng cho bất kỳ cá nhân hay tổ chức nào là công dân hay thường trú hoặc tạm trú tại bất kỳ địa phương, lãnh thổ, quốc gia hoặc đơn vị có chủ quyền nào khác mà việc phân phối, phát hành hay sử dụng đó trái với quy định của pháp luật.

Báo cáo này được cung cấp trên cơ sở được đảm bảo tính bảo mật. Người sử dụng không được phép (i) sao chép hoặc lưu trữ dưới bất kỳ hình thức (ii) truyền tay hoặc phân phối, trực tiếp hoặc gián tiếp, từng phần hay toàn bộ báo cáo, cho bất kỳ ai mà không có sự đồng ý bằng văn bản của VNDIRECT.

Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về độ chính xác hay đầy đủ của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước tính trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của VNDIRECT và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của Công ty Cổ phần Chứng Khoán VNDIRECT tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào sự tư vấn độc lập và phù hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư cá biệt, VNDIRECT không chịu trách nhiệm về bất cứ kết quả nào phát sinh từ việc sử dụng nội dung của báo cáo dưới mọi hình thức.

## VNDIRECT SALES & TRADING

---

### Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

Số 1 – Nguyễn Thượng Hiền – Hà Nội

Điện thoại: +84 439724568

Máy lẻ: 12560

Email : [phong.sale.trading@vndirect.com.vn](mailto:phong.sale.trading@vndirect.com.vn)

Website: <http://vndirect.com.vn>